

Bản án số: 06/2018/DSST

Ngày: 18-01-2018

V/V *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Miện

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Tp.V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.V tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. V xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 431/2016/DSST ngày 14 tháng 12 năm 2016 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2017/QĐ -XX ngày 04 tháng 4 năm 2017, quyết định hoãn phiên Tòa ngày 25-4-2017, quyết định hoãn phiên Tòa ngày 18-5-2017, thông báo mở phiên Tòa ngày 25-12-2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị C - sinh năm: 1961

Địa chỉ: đường TKD, phường AH, thành phố R, tỉnh K (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Anh T - sinh năm 1973 và bà Quảng Thị Kim TH - sinh năm 1974

Địa chỉ: đường LH, phường TT, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt lần thứ hai).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đinh Văn D - sinh năm 1960

Địa chỉ: đường TKD, phường AH, thành phố R, tỉnh K (có mặt).

- *Người liên quan:* Bà Đinh Thị Ngọc G - sinh năm 1965

Địa chỉ: đường TKD, phường AH, thành phố R, tỉnh K (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-11-2016, bổ sung ngày 12-6-2017 và qua quá trình làm việc tại Tòa bà Lương Thị C trình bày:

Do là chỗ quen biết làm ăn trên 20 năm nên vợ chồng ông Trần Anh T và vợ là bà Quảng Thị Kim TH vay là: 15.000.000.000đ(Mười lăm tỷ đồng) và có đứng ra vay giùm là 3.800.000.000đ(Ba tỷ tám trăm triệu đồng). Tổng cộng vợ chồng bà C cho vợ chồng ông T, bà TH mượn là 15.800.000.000đ(Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng).

Khi mượn vợ chồng ông T, bà TH có viết giấy mượn nợ năm 2012, không thỏa thuận thời hạn trả; lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%. Số tiền bà C, ông D cho vợ chồng ông T, bà TH mượn là mượn cá nhân với nhau.

Ông T, bà TH trả lãi được đến cuối năm 2013 sau đó không trả lãi nữa, tiền gốc ông T, bà TH chưa trả cho dù bà C, ông D có đòi nhiều lần nhưng ông T, bà TH chỉ hẹn rồi không trả.

Nay bà C khởi kiện với yêu cầu: Tòa án buộc vợ chồng ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH trả số nợ gốc là: 15.800.000.000đ(Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng).

Về lãi do chỉ thỏa thuận miệng nay bị đơn vợ chồng ông T, bà TH không tới Tòa án để giải quyết vụ kiện nên bà C yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là 10%/năm; Thời hạn tính lãi từ ngày 01-01-2014 đến ngày 31-12-2017 tính tròn là 48 tháng: $15.800.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 48 \text{ tháng} = 6.294.720.000đ$ (Sáu tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là: 22.094.720.000đ(Hai mươi hai tỷ không trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

(Chứng cứ bà C khởi kiện là giấy mượn tiền do chính bà Quảng Thị Kim TH viết và cùng chồng là ông Trần Anh T ký mượn tiền).

Người liên quan ông Đinh Văn D (là chồng của bà Lương Thị C) trình bày: Vợ chồng ông D cho ông T, bà TH mượn là tiền cá nhân, do vợ chồng ông T là chỗ làm ăn với nhau trên 20 năm nên bà C, ông D tin tưởng đã cho mượn số tiền 15.800.000.000đ(Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%. Ông T, bà TH trả lãi được đến hết năm 2013 sau đó không trả lãi nữa. Ông D, bà C đòi nhiều lần nhưng ông T, bà TH cứ hẹn rồi lại không trả.

Nay ông thống nhất với yêu cầu của bà C yêu cầu vợ chồng ông T, bà TH trả nợ gốc và nợ lãi tính tròn đến 31-12-2017, là 22.094.720.000đ(Hai mươi hai tỷ không trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

**Người liên quan:* Bà Đinh Thị Ngọc G trình bày bà có cho anh trai là Đinh Văn D và chị dâu Lương Thị C mượn số tiền 3.800.000.000đ(Ba tỷ tám trăm triệu đồng), sau đó bà C và ông D có cho vợ chồng ông Trần Anh T và Quảng Thị Kim TH mượn lại.

Số tiền ông D, bà C mượn đã trả cho bà G; Bà G xác nhận số tiền 3.800.000.000đ(Ba tỷ tám trăm triệu đồng), là cho anh trai và chị dâu mượn chứ

không phải cho ông T, bà TH mượn. Bà G có ý kiến trong vụ án này bà G không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì, bà G không có yêu cầu độc lập với các đương sự trong vụ án, bà G có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng trong giai đoạn sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nhiều lần không lý do. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy giấy mượn tiền năm 2012, có chữ ký của bị đơn ông Trần Anh T cùng bà Quảng Thị Kim TH và kết luận giám định số 3938/PC54 - D93, ngày 17-11-2017, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; Kết luận chữ chữ viết, chữ ký của bà Quảng Thị Kim TH là do cùng một người viết ra; Chữ ký và chữ viết Trần Anh T do cùng một người viết ra, nên yêu cầu của bà C, ông D đối với bị đơn ông T bà TH phải hoàn trả số tiền 15.800.000.000đ(Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên Tòa nguyên đơn bà Lương Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn D rút yêu cầu bị đơn ông T, bà TH phải trả lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu trả lãi.

Căn cứ: Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị C ; Buộc ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH phải trả cho bà Lương Thị C và ông Đinh Văn D số nợ gốc là: 15.800.000.000đ(Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V. Nhận định của Tòa án:

[1]Về tố tụng: Năm 2012 vợ chồng ông T, bà TH có xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng vay tài sản; Ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH mượn nhiều lần tổng số tiền ông T, bà TH mượn bà C, ông D là 15.800.000.000đ(Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng), hai bên có lập giấy mượn tiền, không thỏa thuận thời hạn trả; lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%, nay có sự tranh chấp nên xác định đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Căn cứ điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trần Anh T và vợ là bà Quảng Thị Kim TH có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thành phố V nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố V.

Vụ việc phát sinh tranh chấp bà C, ông D làm đơn khởi kiện ông T, bà TH ngày 18-11-2016, bổ sung ngày 12-6-2017, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý vụ

kiện ngày 14-12-2016, bà C, ông D không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Bị đơn ông T, bà TH từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình do đó; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét tới thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tới lần thứ hai không lý do.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH.

Đối với bà Đinh Thị Ngọc G; Hội đồng xét xử xét thấy bà G không liên quan đến vụ án nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ, do đó không xác định tư cách tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ làm ăn buôn bán hải sản nhiều năm với nhau nên vợ chồng bà Lương Thị C, ông Đinh Văn D có cho vợ chồng ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH mượn tiền với tư cách cá nhân.

Bà C, ông D cho vợ chồng ông T bà TH mượn số tiền là 15.800.000.000đ (Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng). Bà C, ông D đòi số nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà TH không trả nên đã khởi kiện ra Tòa.

[3] Về chứng cứ: Phía nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền năm 2012 có nội dung: *“Tôi Quảng Thị Kim TH, Trần Anh T có mượn của anh chị tư Tân Vinh 12.000.000.000đ (Mười hai tỷ đồng chẵn) và tiền chị tư mượn dùm 3.800.000.000đ (Ba tỷ tám trăm triệu đồng)”*.

Ngày 25- 4 - 2017, vụ án được đưa ra xét xử bị đơn ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH đã nhận quyết định xét xử nhưng vắng mặt không lý do; Ngày 18-5-2017, vụ án được mở lại lần thứ hai bị đơn ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH vắng mặt tới lần thứ hai; Tại phiên Tòa phía nguyên đơn bà Lương Thị C có yêu cầu Hội đồng xét xử thu thập tài liệu giám định giấy mượn tiền do bà TH viết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của phía nguyên đơn là có căn cứ do đó đã ra Quyết định hoãn phiên Tòa.

Tòa án đã thu thập mẫu chữ viết, chữ ký của ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH là:

Mẫu chữ ký, chữ viết của ông T, bà TH trên Hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng TMCP Quân đội;

Mẫu chữ viết của ông T, bà TH trên Hợp đồng thế chấp tài sản vay tiền Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;

Mẫu chữ viết của ông T, bà TH trên tờ khai nhân khẩu hộ khẩu lưu chữ tại Công an thành phố V, tỉnh B.

Ngày 10-10-2017 Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định mẫu chữ viết, chữ ký tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B;

Ngày 17-11-2017 Tòa án nhận được kết luận giám định số 3938/PC54-Đ3 ngày 17-11-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Quảng Thị Kim TH trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Quảng Thị Kim TH từ mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M13 do một người viết ra.

Chữ viết mang tên Trần Anh T (dòng cuối cùng) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Trần Anh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

[4] Từ những chứng cứ trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định: Giữa vợ chồng bà Lương Thị C, ông Đinh Văn D và vợ chồng ông Trần Anh T, bà Quảng Thị Kim TH có xác lập giao dịch dân sự Hợp đồng vay tài sản; Vợ chồng ông T, bà TH có mượn số tiền 15.800.000.000đ (Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng) của bà C, ông D là có thật, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu trả lãi Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn D rút yêu cầu là tự nguyện; Căn cứ khoản 2 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi của phía nguyên đơn.

[5] Vụ án dân sự được thụ lý ngày 14 tháng 12 năm 2016, trước ngày bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực do đó áp dụng điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị C; Buộc ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH phải trả bà Lương Thị C, ông Đinh Văn D số tiền nợ gốc là 15.800.000.000đ (Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vụ án Dân sự sơ thẩm được thụ lý ngày 14-12-2016, trước ngày Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực; Căn cứ khoản 1 điều 48 của Nghị quyết số 326, Tòa án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

[6] Về án phí DSST: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị C nên bị đơn ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH phải chịu toàn bộ án phí là 123.800.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Cách tính án phí (từ trên 4.000.000.000đ đồng là 112.000.000đ + 0,1% của phần giá trị vượt quá 4.000.000.000đ đồng).

Chi phí giám định hết 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bà C đã tạm ứng trước do đó bị đơn ông Trần Anh T và bà Quảng thị Kim TH phải hoàn trả lại cho bà Lương Thị C; Căn cứ khoản 2 điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, vì kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn bà C là có căn cứ.

Nguyên đơn bà Lương Thị C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 65.850.000đ (Sáu mươi lăm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0002436 ngày 13-12-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, khoản 2 Điều 161, khoản 2 điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227; điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH phải trả bà Lương Thị C, ông Đinh Văn D số nợ gốc là 15.800.000.000đ (Mười lăm tỷ tám trăm triệu đồng). Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi.

Buộc ông Trần Anh T và bà Quảng thị Kim TH phải hoàn trả bà Lương Thị C 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí giám định.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Anh T và bà Quảng Thị Kim TH phải chịu 123.800.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Lương Thị C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 65.850.000đ (Sáu mươi lăm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002436 ngày 13-12-2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh B
- Viện kiểm sát ND Tp- V
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Tp- V
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hồng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh BR-VT
- Viện kiểm sát ND Tp-VT
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Tp- VT
- Lưu hồ sơ.